

Bản án số: 40/2018/HS-PT
Ngày: 22-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 368/2017/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Kim D, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2018/QĐPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Kim D (tên gọi khác: Tâm Beo), sinh năm 1978 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: khu phố HN, thị trấn ĐQ, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở trước khi thực hiện hành vi bị truy tố: tiểu khu 1524, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Khơ me; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kim Sa R (đã chết) và bà Sơn Thị Kim L; bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2002 (con ở với mẹ);

Tiền án: Tại Bản án số 76/2013/HS-ST ngày 25/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt ngày 13/10/2014, chưa được xóa án tích);

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 27/12/1997 bị Công an huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng;

- Ngày 04/5/2000 bị Công an huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai bắt và đưa vào cơ sở giáo dục theo Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 26/4/2000, thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng;

- Tại bản án số 04/HSST ngày 21/01/2003 Toà án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2003 (được xoá án tích do thay đổi chính sách pháp luật theo Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009);

- Tại bản án số 75/2007/HSST ngày 25/9/2007 của Toà án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (được xoá án tích do thay đổi chính sách pháp luật theo Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009);

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2016 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Thanh H, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thanh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Cháng A K (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại:*

1/ Bà ĐDHPBH 1, sinh năm 1965 (vợ của ông Cháng A K)

2/ Anh ĐDHPBH 2, sinh năm 1987 (con ông Cháng A K)

3/ Anh ĐDHPBH 3, sinh năm 1988 (con ông Cháng A K)

4/ Chị ĐDHPBH 4, sinh năm 1994 (con ông Cháng A K)

5/ Anh ĐDHPBH 5, sinh năm 1995 (con ông Cháng A K)

Cùng địa chỉ: bản ĐK, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông (đều có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà ĐDHPBH 1, ĐDHPBH 3, ĐDHPBH 4 và ĐDHPBH 5:* Anh ĐDHPBH 2; địa chỉ: bản ĐK, xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

6/ Bà ĐDHPBH 6, sinh năm 1930 (mẹ của ông Cháng A K); địa chỉ: bản HC, xã ẤT, huyện MẢ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

7/ Ông ĐDHPBH 7, sinh năm 1930 (cha của ông Cháng A K); địa chỉ: bản PB, xã MB, huyện TC, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 08/9/2016, Kim D đi bộ từ rẫy của D thuê ở tiểu khu 1524 thuộc xã ĐN, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông về chòi rẫy của anh Thạch Trúc Tr. Khi đi D cầm theo 01 con dao có đặc điểm (dài 41cm, màu đen, cán dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 31cm, chỗ rộng nhất 6,5cm, mũi dao bằng)

và một ít nấm mốc. Khi đi qua chòi rẫy của anh Hà Minh Th (thường gọi là Thiết) thì anh Th gọi D vào chơi và cùng nhau uống rượu. Trong lúc uống rượu anh Th có nói chuyện về việc con chó của anh Th đi đâu không thấy nên sau khi uống rượu xong anh Th điều khiển xe máy chở D (D cầm theo con dao trước đó) đi về phía chòi rẫy của ông Nguyễn Văn Đ cách rẫy của anh Th khoảng 500m để tìm. Trên đường đi do va phải đá ở suối nên cần số xe bị cong, anh Th tìm đá để đập cần số, còn D nói để đi vào chòi rẫy của ông Cháng A K cách đó khoảng 20m để mượn búa. Khi D vào nhà thì anh Th nghe tiếng trẻ con khóc. Khoảng 05 phút sau, D quay lại và nói không tìm thấy búa, lúc này anh Th cũng vừa đập thẳng được cần số lên khởi động xe định chở D đi thì thấy ông K đi bộ về chòi rẫy. Sau đó anh Th chở D đến chòi rẫy của ông Đ thì gặp chị Hà Thị H1 là vợ của anh Th. Một lúc sau ông K cầm 01 con dao phát đi bộ đến chòi rẫy của ông Đ chỉ dao về phía D và nói “thằng kia mày lấy điện thoại của tao thì trả cho tao”, nghe vậy D nói tôi nhặt được đã đưa cho anh rồi còn gì, sau đó giữa ông K và D xảy ra cãi nhau, ông K dọa nếu D không trả điện thoại sẽ gọi họ hàng đến giết D. D cầm dao áp sát vào cổ ông K thì được anh Th và H1 can ngăn và nói D cùng đi với ông K để làm rõ sự việc. D cầm theo con dao rồi cùng đi với ông K về hướng chòi rẫy của ông K, còn anh Th và H1 ở lại chòi rẫy của ông Đ. Khi đi được khoảng 200m, ông K tiếp tục chửi và nói D lấy điện thoại của ông K nên D cầm dao bằng tay phải đứng đối diện với ông K chém một nhát vào vùng cổ bên trái, một nhát vào đầu làm ông K ngã xuống đất. D cầm dao chém nhiều nhát vào người ông K thấy ông K nằm im dưới đất, vùng đầu, cổ chảy nhiều máu, D cầm hai chân của ông K kéo vào trong rẫy mì cách đường mòn khoảng 03m để che giấu. Rồi cầm con dao phát của ông K và dao của D đi về rẫy của mình, trên đường đi D rút con dao của ông K ở rẫy mì. Do nhiều ngày không thấy ông K và cháu Cháng A S về nhà, nên ngày 16/9/2016 gia đình tổ chức đi tìm thì phát hiện ông K chết trong rẫy mì, cháu Cháng A S chết ở dưới suối cách đó khoảng 1,5 km.

Sau khi giết ông K, D đi về chòi rẫy của anh Tr. Khi đi được một đoạn thì gặp anh Th, anh Th rủ D đi đến chòi rẫy ông Đỗ Đình Đ1 ở gần đó uống rượu. Trong quá trình uống rượu giữa anh Th và D xảy ra mâu thuẫn đánh nhau, anh Th dùng dao chém D bị thương, D được mọi người đưa ra nhà anh Thạch Trúc Tr ở BT, xã ĐN, huyện TĐ để cấp cứu, sau đó D bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 15/11/2016 thì bị bắt theo lệnh truy nã. Con dao D dùng để chém ông K để lại chòi rẫy của ông Đ1. Ngày 17/9/2016 ông Đ1 đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 28/TT ngày 28/12/2016 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kết luận nguyên nhân tử vong của ông Cháng A K là “Đa vết thương, vết thương sọ não, vết thương cột sống cổ”; cơ chế hình thành vết thương do bị chém bằng vật sắc với lực rất mạnh.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 29/TT ngày 26/12/2016 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kết luận nguyên nhân tử vong của cháu Cháng A S là: “Loại trừ tử vong do ngoại lực tác động, tử vong do ngạt nước”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích 40/TgT ngày 23/11/2016

của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị cáo Kim D do thương tích gây nên hiện tại là: Sẹo vết thương phần mềm số lượng ít, kích thước lớn. Tỷ lệ 09 % (chín phần trăm).

Vật chứng của vụ án gồm:

01 con dao, 01 mũ vải, 01 áo thun cổ tròn dài tay màu đen, 01 áo thun cổ tròn ngắn tay màu xanh sẫm, 01 đôi ủng, 01 con dao phát do ông Đỗ Đình Đ1 giao nộp vào ngày 17/9/2016.

01 đôi dép xốp, 02 chiếc giày vải (loại giày bata), 01 dao rựa thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 17/9/2016.

Tại Bản cáo trạng số 21/CTr-VKS-P1 ngày 31/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Kim D về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Kim D phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt: Bị cáo Kim D tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 15/11/2016.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự 1999, Điều 591 của Bộ luật dân sự 2015,

Buộc bị cáo Kim D phải bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền 227.855.000 (hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành các khoản bồi thường trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003,

Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao, 01 mũ vải, 01 áo thun cổ tròn dài tay màu đen, 01 áo thun cổ tròn ngắn tay màu xanh sẫm, 01 đôi ủng, 01 con dao phát, 01 đôi dép xốp, 02 chiếc giày vải (loại giày bata), 01 dao rựa (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2017 lưu trong hồ sơ vụ án).

4/ Về án phí: Buộc bị cáo Kim D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 11.392.750 (mười một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày

tuyên án. Những người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017, anh ĐDHPBH 2 là người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Kim D, không yêu cầu bị cáo D bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Kim D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử và đề nghị giữ nguyên hình phạt chung thân của bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, do ông Cháng A K nghi ngờ Kim D lấy chiếc điện thoại của mình nên bị cáo đã dùng con dao phát chém một nhát vào cổ, một nhát vào đầu ông K, làm nạn nhân tử vong. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo D về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Bị cáo D có nhân thân rất xấu, đã hai lần bị Tòa án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”; một lần bị Công an huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, một lần bị Công an huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai bắt và đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng; có một tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, mà phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, là “tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong vụ án này, bị cáo đã dùng con dao phát chém một nhát vào cổ, một nhát vào đầu ông K, làm nạn nhân gục xuống, sau đó bị cáo tiếp tục chém nhiều nhát cho đến chết và kéo xác nạn nhân giấu vào rẫy khoai mì. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo ngoài tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, còn có tình tiết tăng nặng là “cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, mặc dù kết luận giám định tử thi xác định, nguyên nhân tử vong của cháu Cháng A S là “loại trừ tử vong do ngoại lực tác động, tử vong do ngạt nước”, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo cũng là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến cái chết của cháu S. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án chung thân là chưa phù hợp với hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, tăng hình phạt tử hình đối với bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị cáo tự bào chữa như sau: Bị cáo Kim D không tự bào chữa, xin giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến như sau:

Về tội danh: Luật sư thống nhất với tội danh và điều luật mà cáo trạng đã truy tố và bản án sơ thẩm đã xét xử, không tranh luận gì.

Về nguyên nhân phạm tội của bị cáo: Xuất phát từ việc ông K nghi ngờ bị cáo lấy trộm chiếc điện thoại nên hai bên có lời qua tiếng lại và ông K đe dọa sẽ gọi người nhà đến giết D nên bị cáo lo sợ, mới thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là một chuỗi hành vi liên tục chứ không phải “cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” như Kiểm sát viên đã quy kết.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ khác là bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, hạn chế về nhận thức. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh ĐDHPBH 2 tranh luận như sau: Luật sư cho rằng, do bố tôi hăm dọa sẽ gọi người nhà đến giết bị cáo D nên bị cáo mới thực hiện hành vi phạm tội là không có căn cứ. Vì đó là lời khai của bị cáo, bố tôi đã chết nên không thể đối chất được; hơn nữa bố tôi bị què tay nên nếu có hăm dọa thì cũng không thể thực hiện được.

Kiểm sát viên tranh luận như sau: Luật sư cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo là một chuỗi hành vi liên tục chứ không phải là “cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” là không có căn cứ. Vì sau khi chém một nhát vào cổ, một nhát vào đầu, làm nạn nhân gục xuống, bị cáo còn tiếp tục chém nhiều nhát vào người bị hại. Do đó, Kiểm sát viên vẫn bảo lưu quan điểm này.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Kim D tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà án sơ thẩm đã quy kết buộc tội, phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh tại phiên tòa. Từ đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Do bị ông Cháng A K nghi ngờ lấy chiếc điện thoại di động, nên khoảng 09 giờ ngày 08/9/2016, Kim D đã có hành vi dùng một con dao dài 41cm, màu đen, cán dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 31cm, chỗ rộng nhất 6,5cm, mũi dao bằng, chém một nhát vào vùng cổ bên trái, một nhát vào đầu ông K; khi ông K ngã xuống đất, D tiếp tục chém nhiều nhát vào người ông K, sau đó kéo xác nạn nhân vào rẫy khoai mì cách đường mòn khoảng 03m để

che giấu. Hậu quả ông K chết do đa vết thương, vết thương sọ não, vết thương cột sống cổ.

Chỉ vì một nghi ngờ, mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nhưng với bản chất lưu manh, côn đồ, hung hãn, bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào vùng cổ, đầu của nạn nhân; khi nạn nhân ngã gục xuống, bị cáo tiếp tục chém nhiều nhát nữa vào cơ thể của nạn nhân trước khi kéo xác nạn nhân giấu trong rẫy khoai mì. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây đau thương mất mát cho gia đình người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kim D về tội “Giết người” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về nguyên nhân phạm tội của bị cáo mà Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm: Luật sư cho rằng, xuất phát từ việc ông K nghi ngờ bị cáo lấy trộm chiếc điện thoại nên hai bên có lời qua tiếng lại và ông K đe dọa sẽ gọi người nhà đến giết D nên bị cáo lo sợ, mới thực hiện hành vi phạm tội là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì theo kết luận điều tra và lời khai của nhân chứng thì bản thân ông K có buông lời đe dọa, nhưng lời đe dọa này không có căn cứ để bị cáo D lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ mới mà Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm: Căn cứ vào lý lịch của bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập thì ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bản án sơ thẩm đã áp dụng, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ khác là bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên có hạn chế về nhận thức được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị này của Luật sư là có căn cứ để chấp nhận. Cần áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

[4] Về lập luận của Kiểm sát viên cho rằng, hành vi phạm tội của bị cáo D là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến cái chết của cháu Cháng A S là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 29/TT ngày 26/12/2016 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Nông đã kết luận nguyên nhân tử vong của cháu Sáu là “loại trừ tử vong do ngoại lực tác động, tử vong do ngạt nước”.

[5] Về nhân thân của bị cáo, về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D có nhân thân rất xấu, đã hai lần bị Tòa án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”; một lần bị Công an huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, một lần bị Công an huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai bắt và đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng; có một tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, mà phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, là “tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 và khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong vụ án này, bị cáo đã dùng con dao phát chém một nhát vào cổ, một nhát vào đầu ông K, làm nạn nhân gục xuống, sau đó

bị cáo tiếp tục chém nhiều nhát cho đến chết và kéo xác nạn nhân giấu vào rẫy khoai mì. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo ngoài tình tiết tăng nặng “có tính chất côn đồ” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng “tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, còn có tình tiết tăng nặng là “có tình thực hiện tội phạm đến cùng” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị của Kiểm viên về việc áp dụng thêm tình tiết tăng nặng này là có căn cứ.

Mặc dù bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nhưng xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã có tiền án chưa được xóa án tích, lại phạm tội đặc biệt nghiêm trọng. Điều này thể hiện bị cáo hết sức xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải, không còn khả năng cải tạo, giáo dục. Hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là chưa phù hợp với hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra. Do đó cần loại bỏ vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mới phát huy tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bị cáo D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Chấp nhận kháng cáo của anh ĐDHPBH 2, là người đại diện hợp pháp của người bị hại Cháng A K, về việc yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Kim D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Kim D (tên gọi khác: Tâm Beo) phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt: Bị cáo Kim D (tên gọi khác: Tâm Beo) tử hình.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003,

Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) con dao, 01 (một) mũ vải, 01 (một) áo thun cổ tròn dài tay màu đen, 01(một) áo thun cổ tròn ngắn tay màu xanh sẫm, 01(một) đôi ủng, 01(một) con dao phát, 01(một) đôi dép xốp, 02 (hai) chiếc giày vải (loại giày bata), 01(một) dao rựa (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2017 lưu trong hồ sơ vụ án).

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Kim D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Kim D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Kim D có quyền viết đơn, gửi đến Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm hình phạt tử hình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- TTG CA tỉnh Đắk Nông (tổng đạt cho bị cáo (2));
- ĐDHPNBH(1);
- Lưu(3), 14b (Ấn09).

Võ Văn Khoa

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- TTG CA tỉnh Đắk Nông (tổng đạt cho bị cáo (2));
- ĐDHPNBH(1);
- Lưu(3), 14b (Ấn09).

Võ Văn Khoa